

SỐ 1717

## THÍCH THIÊM DUYÊN KHỞI TỰA

Quân Sơn Trừ Cận Nam Phổ Môn Tử thuật từ.

Bốn giáo có sẵn, tôn chỉ của sự khai hợp, tiềm tàng ở trong đó, mười Đại đệ tử ngày xưa, công lao âm thầm giúp đỡ, do con người mới tuyệt vời. Chỉ có điều là ba lần chuyển pháp luân phủ khắp tất cả, một Phật Thừa dẫn dắt các căn, kinh văn rõ ràng mà đơn giản, huyền ký phong phú mà sâu sắc, người hiểu biết ít khó nhìn thấy, kẻ mê muội cầu tìm còn lấp chịt, không đến gần được mà phải quay lại. Mang trong lòng tình trạng lúc ấy, Đại sư Trạm Nhiên thầy tôi đã phải đảm đương rồi. Đại sư thuở nhỏ thông minh xuất chúng, chí tu học nổi tiếng có sẵn, hiểu sâu sắc hợp với tự tâm, tỏ ngộ nhiều nhờ đó làm rục rở tổ tông, không thích hợp không có thể tiếp nhận người giả dối, nước mắt Tỳ Đà tuôn chảy cho đến Quốc Thanh thì lúc ấy đã cuộn cuộn như mây. Trong thời gian ấy các tộc Khương - Di làm khó dễ, núi non sông biển không yên ổn, theo giáo pháp thì nhiều, mà lòng người áy náy tựa núi cao giữa hư không. Hoặc là nói rằng thân không an toàn thì pháp sẽ mất, chi bằng suốt đời vâng theo giáo pháp, gắng sức thực hành thành công, phơi bày mọi vấn đề đang bị che dấu. Người thích pháp như vậy càng thỉnh cầu làm cho như ý, mà pháp thật sự là vô biên, thân thì có đối đãi, phô bày mở rộng chưa thỏa mãn, tìm hiểu sơ lược có nơi cần cứ. Dựa vào sự tìm hiểu giải thích, suy nghĩ nhiều công phu càng gấp bội, tốt đẹp thay mệnh mệnh thay! Người đến nhà bằng lòng với điểm mấu chốt quan trọng nhất chưa hề biết, kẻ nhìn bên bờ hổ thẹn tự mình không đến được. Nhân đây lấy văn giải thích nghĩa từ để có thể loại bỏ điều ấy chăng? Các bậc tiên đức đã nói rõ tuy là không đưa ra toàn bộ khoa mục, mà các thế hệ chưa thông hiểu phần nào, do có cần phải

chú giải, gồm có mười quyển, nhưng không quên hướng về cội nguồn, lấy Thiên Thai làm sứ mạng truyền thừa, cố gắng kế tục tông môn, để giải thích vấn đề thuận với cái học. Tin rằng, nhìn hình dạng đạt được ý khiến cho đầu óc mờ màng trở thành sáng suốt, muôn đời bất diệt, là vậy. Những ai lúc còn trẻ ở giữa chốn hồng trần, thời gian sau thuận theo đạo, chỉ mong muốn được tiếp xúc với tiết tháo vĩ đại ấy, thì không hổ thẹn với tâm vậy.

Tháng Mười hai năm Giáp Thìn chuẩn bị sang năm mới Thiên Vương Việt viết tựa ở Thiểm Phù.

-----

SỐ 1717

**PHÁP HOA HUYỀN NGHĨA  
THÍCH THÊM  
(GIẢI THÍCH PHÁP HOA HUYỀN NGHĨA)**

*Trí Giả Đại sư,  
Thiên Thai Sa Môn Trạng Nhiên thuật*

## QUYỂN 1

Xưa ở Thiên Thai thuận theo những người hỏi để trích yếu văn tắt sau đó đã ghi lại, vì không có thời gian tìm hiểu xu thế sanh khởi của văn, cũng chưa tường tận được câu chữ phần tiết, về sau trở lại Tỳ Đàm nhất định là thêm nhiều điều ích lợi cho kiến giải hạn hẹp. Nhưng điều đã ghi lại đều là thuật rõ cái nghe cùng những gì tìm hiểu trong kinh luận, chỉ biết sử dụng điều hạn hẹp vụng về mà thêm bớt tương đối thuần túy, bày tỏ với người có đức có tài đời sau không ngoài lòng mong mỗi thêm bớt.

“Tư ký”, là Tôn giả Chương An ở tại Giang Lăng tự ghi lại lời Đại sư đã nói, không chung người khác cho nên gọi là Tư. Duyên khởi là thuật rõ lý do phát triển, trình bày giáo pháp của những gì đã được ghi chép. Trong này trước tiên nói về đức hạnh của Đại sư và ý của sự truyền thuật, gọi là Tổng Tựa; tiếp theo chính thức nói về Huyền văn chẳng qua là năm nghĩa và ý chỉ sâu kín về Bốn - Tích. Tựa đầu phân hai: Đầu tiên trình bày đức hạnh của Sư; tiếp theo từ “Hạnh tai...” trở xuống là trình bày về ý truyền thuật. Văn phần đầu lại có hai: Một là nêu ra mười đức. Hai từ “Duy ngã...” trở xuống kết thúc quy về Thầy mình. Đầu tiên trong mười đức, trước hết nói đến Đại pháp, là chỉ chung

cho Phật giáo lấy làm Đại Pháp. Đông Tiệm là từ lúc Hán Minh Đế đem mộng thấy Ca Trúc mới đến, Tùy Văn Đế rơi nước mắt một mình đánh xe đi đến Thiên Thai suy nghĩ về ngày sinh thích hợp. Những người có luyện tập nghĩa lý về thiền, người biết phiên dịch dần dần đến phương này hoằng tuyên giáo pháp. Tang sử đã ghi chép chưa có ai chưa từng nghe giảng mà tự hiểu rõ về Phật Thừa. Phật Thừa tức là kinh điển này vĩnh viễn khác với giáo pháp còn lại, không giống như các ba, năm, bảy, chín Thừa, vẫn khai-hợp để làm cho quay về một điểm cuối cùng cho nên nói là Phật Thừa. Nói Tang sử là giống như Tống Văn Tuyên Vương ghi chép Thất Vương tuyển chọn tập hợp lại thành một trăm quyển, như Tục sử Thư thì Tả sử ghi chép lại sự việc, Hữu sử ghi chép lại lời nói. Lễ nói là hành động thì Tả sử ghi lại, lời nói thì Hữu sử ghi lại, tất cả những điều ấy tập hợp lại không ngoài lời nói và việc làm. Nay cũng ví dụ như vậy cho nên nói là Tang sử. Còn Gia Tường Giáo pháp sử đã tập hợp Cao Tăng truyện thành mười ba quyển phân ra làm mười khoa, chung quy là không có ai không nghe giảng mà tự hiểu rõ như Đại sư Thiên Thai. Không nghe mà tự hiểu rõ như vậy chính là một trong mười đức của văn này.

Và từ “Túng linh...” trở xuống là chín đức hoàn toàn thuộc về Biệt truyện của Đại sư. Chương An tóm lược dùng để trình bày về đức của Sư, chữ “Cự” trong phần nói đức thứ nhất chính là nói nghĩa không có. chín đức sau thì trong từng đức một đều nói là “Túng”, nghĩa là giống như nói rằng dù cho có thứ nhất mà cuối cùng không có gì là thứ hai cho đến thứ mười, vì vậy sau đó kết luận nói: “Duy ngã Trí giả...” tức chỉ có Đại sư Trí Giả là đầy đủ các công đức. “Phát ngộ” là nói rằng ở đạo tràng Pháp Hoa Đại Tô, phát khởi ra Tam muội tổ ngộ, hiểu rõ Nhất Thừa, thay thế và tiếp nhận pháp sư, giảng Đại Phẩm chữ Kim. “Đà la ni” là tiếng Phạm, Trung Hoa gọi là Tổng Trì. Từ Tam muội phát khởi để chứng thực trình bày với Sư, Sư nói đây là Đà la ni phương tiện trước Pháp Hoa. “Túng cụ định tuệ giả”: (Cho dù có đủ định tuệ), phát ngộ thuộc về tuệ, nhập định là định. “Thịnh tịch giả”: (Pháp hội thịnh hành) ra sức mở rộng hai pháp Định - Tuệ. “Tạ khiển” là tự biết mình không có năng lực làm lợi ích cho người nên phải từ chối (Tạ), nhường cho mọi người chứ mình không nhận gọi là bỏ đi (khiển). Ấn cư trong vùng Hoa Đảnh - Phật Lũng - Đường Khê để “tị thế”: (lánh đời): xả bỏ danh lợi là lánh đời tiến đạo cho mình là “thủ huyền”: (giữ gìn đạo huyền diệu). Trần Thiệu Chủ đã truyền chỉ đón tiếp nhiều lần, Tùy Văn Đế có sắc chỉ thỉnh cầu trú lại, cho nên nói là “bị trưng vi nhị Quốc sư”: (bị đưa

ra làm Quốc sư hai triều đại). Thái Cực điện chánh điện của triều nhà Trần, gọi là “Thái Cực”. “Tam lễ” là Trần Thiếu Chủ truyền chỉ rằng: quốc gia trong một năm xưa kia có hai lần tập họp giảng Kinh Nhân Vương mọi người một lòng kính ngưỡng, phủ phục ở điện Thái Cực chờ khai giảng. Về cách thức thì phân định cho phép một người làm chỉ huy “trưởng chúng”. Khi bắt đầu tiến hành pháp hội thì người đứng đầu này tiến lên tự mình ở giữa chúng hội lại Pháp Sư ba lạy. Thiên Tử là người đứng đầu muôn người cho nên nói là muôn người quỳ gối. Nói “Vạn Thừa” ấy là trong Luận Ngữ, Bao Thỉ đã dẫn ra chế định của vua. Ngày xưa, trong chế độ tể điền của Trung Quốc thì một dặm vuông gọi là Tỉnh, mười Tỉnh là một Thừa, quốc gia một trăm dặm là thích hợp với Thiên Thừa, quốc gia chư hầu là Thiên Thừa, quốc gia Thiên Tử là Vạn Thừa, cho nên nói là người đứng đầu muôn người. “Đạo tục giả”: Trăm tòa cao là đạo: Trăm quan tước là tục. “Huyền ngộ Pháp Hoa viên ý”, là năm nghĩa giải thích Kinh thâm tóm tắt cả năm vị cho nên gọi là huyền; không bao gồm, không kèm theo, mở ra và phế bỏ các Kinh điển khác gọi là Ý viên. “Nhạo thuyết biện”: (vui với sự thuyết giảng biện luận) như trong Chỉ Quán quyển thứ nhất đã nói. “Trú dạ...” ấy là đưa ra ví dụ, giống như nước từ trên dòng Huyền hà tuôn chảy ngày đêm không cạn. Đây là mười đức nêu ra chung tướng trạng của sự lĩnh ngộ rõ ràng và hoằng truyền kinh pháp. Vì thế đức thứ nhất nói là: “tự hiểu rõ Phật Thừa”, đức cuối cùng nói là: “tuôn chảy ngày đêm”. Ngoài ra, những báo ứng thác thai có điềm lành, linh thiêng báo mộng sự ra đời, nuôi nấng tốt lành từ lúc tuổi còn thơ, lòng chân thành theo Thầy học đạo, vua quan kính trọng - đạo tục hưởng về, lâm chung thị hiện tướng trạng diệt độ, ứng nghiệm v.v... đầy đủ như trong Biệt Truyện.

Tiếp theo trong phần Truyền Thuật phân làm ba: Một Từ “Hạnh tai...” trở xuống là thuật lại sự ca ngợi về công đức vi diệu đã nhận được; hai - từ “Tịnh phục...” trở xuống là chính thức trình bày về Truyền Thuật để càng thích hợp; ba - từ “Hoặc dĩ...” trở xuống là thuật lại chính mình giúp thêm để chính thức tin tưởng, ban đầu từ chỗ xét rõ bản thân mình để khiêm tốn học hỏi. “Hạnh” là may mắn, từ của sự tự tỉnh ngộ. “Kiến nghiệp” cũng nói là Kiến Khang, tức là các triều Tấn - Tống... xưng là Nghiệp Đô, nay chính là Giang Ninh. Xưa gọi là Dương Châu, nhà Tùy diệt vong nhà Trần thành lập sau chuyển đến Dương Châu số người vượt quá kinh đô Giang Bắc, “Giang Lăng” tức là Kinh Châu vậy. Vì thế câu sau nói: “Kinh Dương Vãng phục đồ tương vạn lý”: (Kinh - Dương qua lại đường đi gần cả vạn dặm): chữ Tương giống như

chữ Dương, nghĩa là man máng dường như gần một vụn dăm. Hán Nam nói: Kinh Châu từ Hán Nam đến phía Nam của Hoàn Sơn; Giang Nam nói là Dương Châu từ Kinh đô Giang Bắc đến Nam Hải bây giờ. “Thai lĩnh... hạc lâm”: (Núi Thiên Thai - rừng Hạc): đầy đủ như trong chỉ quán quyển một có ghi: “Phi dẫn vị văn, bất văn”: (chẳng những chưa nghe - không nghe...), đó là than tiếc vì không nghe được phần tuyệt diệu. Như trong Chỉ Quán Thiên Môn - Tịnh Danh Số... đều có những phần khác; Ý nói chưa được trọn vẹn ấy gọi là không nghe, chính cũng là khiếm tốn với điều mình nghe được trước đây chưa có thể hiểu hết ý. “Quyển, hư, tán, ngưỡng...”: (Cuộn vào, mở ra, khoan dùi, ngược trông) là Chương An tổng quát khen ngợi: Sửa đi sửa lại, đọc đi đọc lại mà lý ấy bền cứng khoan không tới, ý cao vời vợi ngược nhìn chẳng thấy. Như các đệ tử của Khổng Tử ca ngợi trí tuệ sâu sắc của Khổng Tử, giống như muốn nhìn trộm cung điện mà khoan tường càng cảm thấy tường ấy quá cứng, ngược nhìn lên càng cảm thấy quá cao. Lại như uống nước sông lớn đầy bụng mà cuối cùng không đo được nông sâu. “Do hận duyên thiếu...”: (Hãy còn hận vì duyên nông cạn) trở xuống là trình bày về duyên khởi của Tư Kỳ. Nay tuy muốn ghi lại nhưng tiếc là chỉ nghe được một lần mà thôi, là vì Đại sư diệt độ mà không được nghe lại. “Cật tuân...”: Hỏi han thì nhất định không biết từ đâu, giống như ghé con nhỡ sữa.

“Tịnh phục...”: Đồng thời trở lại suy nghĩ, là tự tư duy và suy nghĩ điều ấy cho nên nói là đồng thời. Tự suy nghĩ không đủ, còn nghĩ đến điều kia chưa được nghe. Nếu không ghi lại điều đã nghe ấy và nghĩ đến đương lai sẽ có cái khổ không nghe được Phật Thừa, cho nên nói là “Khả bi”: (Đáng đau xót!) “Nhược thọ nhược thạch”: (Như cây cối, như gạch đá), là giống như Đồng Tử Tuyết Sơn trong kinh Niết-bàn, nghe được nửa bài kệ rồi truyền cho vách đá. Lại như phẩm Tùy Hỷ trong kinh này, đầu tiên tùy theo điều mình đã nghe được đi khắp thôn xóm xa gần tùy khả năng diễn thuyết cho cha mẹ họ hàng nghe. Chữ Tân là nghĩa tuân theo. “Thánh điển”, là dựa vào kinh này và các kinh Đại thừa đều khiến cho có thể truyền thụ.

“Cam lộ môn” là Thật tướng thường trú, giống như cam lộ trên cõi trời là vị thuốc bất tử. Nay giải thích Pháp Hoa có khả năng thông suốt Thật Tướng cho nên gọi là Môn. Phần Tổng Tựa xong.

Tiếp theo chính thức trình bày Huyền văn, toàn bộ có ba tựa: Thứ nhất - là Đại sư riêng làm tựa của kinh. Thứ hai - Từ: “Tự tự vương...” trở xuống là lời tựa của người ghi chép; thứ ba - Từ “Diệu Pháp này” trở xuống thì Huyền Văn vốn là tựa.

Trong tựa đầu nói chữ “Vương” là khứ thanh, nghĩa là dấy khởi - là bắt đầu vậy. Tựa bắt đầu phát khởi các văn cho nên nói là “Tựa Vương”. Ngay nơi tựa thứ nhất phân làm hai: phần đầu là thu nhận toàn bộ năm nghĩa để giải thích tên gọi; phần hai từ “Ký giả...” trở xuống, dựa vào tên gọi chung để giải thích riêng biệt. Văn phần đầu lại có ba: Thứ nhất: Giải thích về Diệu Pháp; Thứ hai - Giải thích về Liên Hoa; Thứ ba - Giải thích về Kinh Văn. Giải thích Diệu Pháp lại có hai: Trước là Diệu - sau là Pháp. Văn sau giải thích rộng ra thì trước là Pháp - sau là Diệu, là thuận theo sự tiện lợi của nghĩa. Nay đã sơ lược giải thích mà lại thuận theo sự tiện lợi của tên gọi.

Đầu tiên giải thích về “Diệu”, chỉ đưa ra một bất tư nghị thì đã giản lược đối với khả tư nghị. Chỉ Quán kia vì thành tựu quán cho nên mới dùng tương đãi làm bất tư nghị thô, duy nhất Tuyệt đãi là bất tư nghị diệu. Nay thì không như vậy, trong Viên giáo dựa theo thời thì tương đãi, Tuyệt đãi đều là diệu, các vị khác dựa theo bộ hoặc là diệu hoặc là thô. Nếu ba thời giáo trước cùng với bộ luôn luôn là thô, đến Pháp Hoa được khai mở mới gọi là diệu. Nghĩa tương đãi trong Chỉ Quán tựa như đối với Biệt cho nên phân định là thô. Nay danh xưng là diệu này gồm có đủ Bốn - Tích. Diệu Quán trong văn kia chỉ có Viên. Tuy khác biệt mà giống nhau, tìm hiểu tường tận có thể hiểu rõ. Văn đoạn sau sẽ giải thích không cần phải nói nhiều. Tiếp theo giải thích về Pháp, sơ lược nêu ra Giới, như thâu nhiếp đầy đủ ba ngàn, rộng ra như sau sẽ giải thích. Diệu ca ngợi đối với Pháp, Pháp chỉ là Diệu. Nói là Quyền - Thật gồm có ba nghĩa về Thí... không giống nhau. Trong ví dụ trở lại luận bàn cho nên chưa đưa ra riêng biệt.

Thứ hai: giải thích về Liên Hoa lại phân làm sáu: Một. Thiết lập tổng quát; Hai. Dùng ý thí dụ; Ba. Từ “Nhất vi...” trở xuống là giải thích riêng biệt; Bốn. Từ “Thị dĩ...” trở xuống là kết luận Pháp, Dụ trước sau để trình bày về ý Pháp, Dụ; Năm. Từ “Đãng hóa thành...” trở xuống là tìm hiểu chọn lấy tôn chỉ của kinh để hiển bày Pháp, Dụ Sáu. Từ “Nhất kỳ...” là tổng kết dùng ý chính của thí dụ để nêu ra kết luận quy về.

1. Tổng quát: Diệu Pháp không ra ngoài Quyền, Thật cho nên Liên dùng dụ cho Thật, Hoa để dụ cho Quyền.

2. Ý thí dụ: Chữ “Lương” là đầu mối của sự phát khởi. Vì sao lập Hoa thí dụ cho Pháp? Bởi vì Pháp là điều khó hiểu nổi “Giả” nghĩa là mượn “Chương” giống như hiển bày rõ ràng vậy. Nếu không phải là Liên Hoa thì không có gì để hiển bày được Diệu Pháp. Điều thí dụ đã hiển bày gọi là “huống” so sánh, hiển bày đầy đủ mười diệu mười thô

của Bốn và Tích, toàn bộ hàm chứa nhân quả và ba tính chất của Thể - Tông - Dụng cho nên nói “Nãi đa” chính là nhiều. Nay văn tựa này chưa rãnh rồi thuật lại rộng, mà sơ lược so sánh Bốn - Tích dùng đầu nhiếp nhiều ý khác. Chữ “Nghĩ” là mô phỏng cũng là ví như vậy. Nơi hướng về trước sau, chỉ là hai môn Bốn - Tích đề có mười bốn phẩm, ba trước ba sau cho nên nói là “hợp thành lục”: hợp thành sáu

3. Trong phần giải thích rộng có hai: Trước là Tích, sau là Bốn. Một là căn cứ vào thứ tự văn kinh cho nên như vậy, hai là căn cứ vào hóa nghi nhất định phải trước là bày ra (Thùy), sau là bỏ đi (Phất), ba là căn cứ vào cơ duyên thì trước là cạn, sau là sâu. Nếu dùng Hoa ví dụ cho Tích - Liên ví dụ cho Bốn, thì không thể nào phân rõ được trước sau. Vì sao? Bởi vì thuận theo Bốn bày ra Tích thì Bốn trước mà Tích sau, dựa vào Tích hiển rõ Bốn thì Tích trước mà Bốn sau. Dựa theo cơ tuy là như vậy, dựa theo Phật thì hoàn toàn lấy Bốn ở nơi đầu tiên, thì Liên trước mà Hoa sau không phải là thứ tự ví dụ. Nhưng hướng về kiếp thì chủng tử ban đầu đều từ những hóa sanh, thì Liên hóa sanh cùng với Hoa đều có thể làm bắt đầu, cho nên hoàn toàn thuận với hai nghĩa. Quyền - Thật trong Tích chọn lấy thí dụ Liên Hoa thì Tích cũng chẳng phải Thật, không thể thi thiết Quyền chẳng phải Quyền thì không thể hiển bày Thật, nhưng cuối cùng dùng lý thật làm Bốn mà Quyền - Thật cùng một Thể trước sau đồng thời, Liên Hoa trước sau so sánh như trên nói có thể biết. Nay thuận theo sự giải thích hiện rõ Liên làm ví dụ, bởi vì thuận với thí dụ cho nên trước là thiết lập, sau là khai mở. Lại còn trước là khai mở, sau là phế bỏ cũng lại thuận theo thí dụ, căn cứ vào pháp thể ấy mà đồng thời khai mở và phế bỏ, đây là căn cứ vào sự khai mở, phế bỏ cuối cùng mà nói. Nếu trung gian liên tiếp phế bỏ, thì chỉ phế bỏ chứ không khai mở lại chẳng phải là ý của thí dụ này, đầy đủ như sau sẽ nói.

Nay trước tiên nói: “Vi Liên cố Hoa” nghĩa là vì Liên cho nên là Hoa, dựa theo Thời mà lại nương vào Đốn giáo về sau của Hoa Nghiêm mà nói. Biệt giáo ở trong Đốn giáo thì lý Thật mà giáo Quyền tạm thời gác lại chưa luận đến. Ở Lộc Uyển thiết lập Tiểu thừa, Phương Đẳng - Bát-nhã đã vì khai mở, phế bỏ mà làm thành phương tiện. Như Kinh này nói thì còn ở Tiểu thừa. Nếu dựa theo Giáo thì tất cả bốn Thời ba Giáo trước đều là Quyền nhị thừa, chỉ ở tại Pháp Hoa, Bồ tát khắp nơi mới có thể đi vào, mà văn này dẫn ra lại thuận theo dẫn dắt Tiểu thừa bởi Tiểu thừa khó dẫn dắt, cho nên dựa vào đó mà nói.

“Tri đệ nhất tịch diệt” (Biết tịch diệt đệ nhất) : là dựa theo tự hành



của Phật, tự hành tức là lý Thật. “Dĩ phương tiện lực cố”: (dùng sức phương tiện): là chính thức trình bày về thi thiết Quyền. Đúng ra nói: vì năm Tỳ-kheo mà nói. Trong văn giản lược là muốn lập tức nói rõ ý thi thiết về Quyền, tức ý bao gồm câu bên dưới nói “chủng chủng”. Từ “Tuy thị...” trở xuống là trình bày ý thi thiết Quyền vậy. Tuy trở lại thiết lập Quyền mà vốn vì đối với Thật. “Chủng chủng đạo” tức là người ở nhân vị của hai giáo đạo mỗi giáo riêng biệt, năm Thời tám Giáo cho nên nói là chủng chủng. Tiếp theo trình bày về khai mở, chỉ Thật là Quyền - Quyền che nơi Thật gọi là đóng cửa phương tiện. Nay chỉ ra Quyền là Thật đối với Quyền thấy Thật gọi là mở cửa phương tiện. Thi nghĩa là chỉ thị, nêu rõ nơi nhìn thấy Thật ấy cho nên nói như vậy.

Ba là phế bỏ: Xả là tên khác của Phế. Khai mở rồi đều là Thật không có Quyền có thể luận thì nghĩa đó thích hợp với phế bỏ, Quyền chuyển làm Thật thì Thế đã phế bỏ không còn. Nếu giữ lại duyên sau thì trở lại thuộc về thiết lập ra chứ không phải là ý trong này. Nếu như vậy thì khai mở và phế bỏ khác nhau ra sao? Đáp: Dựa theo Pháp chính là khai mở, Thời tức là phế bỏ, dựa theo Dụng thì nhất định nghĩa cần phải khai mở trước. Nếu như vậy thì Pháp - Dụng trái ngược, đâu trở thành Dụng cho Pháp? Đáp: Căn cứ vào lý thì tựa như cùng với Dụng có trái ngược, dựa theo sự thì tựa như trước là khai mở, sau là phế bỏ, như trước tiên nêu ra phương tiện tức là chân thật, đã biết là Thật rồi thì vĩnh viễn không cần đến Quyền. Nếu dựa theo lý thì khai mở, phế bỏ cùng lúc, bởi vì lúc khai mở đã phế bỏ.

Tiếp đến từ “Hựu liên...” trở xuống, thí dụ trong Bản thì câu đầu là nêu tổng quát, tiếp theo từ “Tùng bản...” trở xuống là chính thức trình bày về thùy Tích. Tích dựa vào Bản là nêu rõ Tích không tồn tại một mình, tức là ý của thùy Tích vốn dựa theo đó để hiển bày Bản, vì vậy nay nói “Tích y ư Bản”: (Tích dựa vào Bản), Tích không phải là cứu cánh. Từ “Văn vân...” trở xuống là dẫn chứng, trước tiên trình bày về Bản. Nói “Nhược tư”: Dường ấy là chỉ về thọ lượng dài lâu như số trần điểm. Từ “Đản giáo...” trở xuống là chính thức trình bày về thùy Tích. “Tác như thị thuyết”: (Nói như vậy) là tổng quát đưa ra những điều đã nói “Ngã thiếu...”: (Ta lúc còn trẻ...) là tách biệt nêu ra nói về tướng, mười chín tuổi vượt thành xuất gia, ba mươi tuổi thành đạo, không nói đến trước đây như thế cho nên nói là Ta lúc còn trẻ. Tiếp theo trong phần khai mở Tích dẫn văn đầu tiên thuật lại mê Tích cho nên nói “giai vị”: (đều nói rằng). Từ “Ngã thành Phật...” trở xuống là chính thức trình bày về khai mở Tích, không thể đưa ra rõ ràng tất cả mà lược nói là Vô

lượng... Ba là phế bỏ Tích như sau như trước, trong văn trích dẫn. Bắt đầu từ “Chư Phật...” trở xuống là dẫn chứng các Phật đều giống nhau. Từ “vị độ...” trở xuống chính thức trình bày phế bỏ Tích, phế bỏ rồi, không có Tích cho nên nói “giải thật”: đều là Thật, Thật chỉ là Bản - Quyền chỉ là Tích. Nếu như phân rõ đồng và khác thì nói rộng ở quyển thứ bảy.

4. Trong phần kết luận nói “Thị dĩ tiên tiêu v.v...”: (vậy trước tiên nêu ra...) là tổng quát kết luận sáu ví dụ, không phải là Liên Hoa thì không thể nào ví dụ cho Diệu Pháp Quyền Thật Bản Tích, không phải Diệu Pháp này thì không thể dùng ví dụ Liên Hoa được. Như kinh Kim Cang thì Dụ trước Pháp sau, nay lại thuận theo như vậy cho nên nói “là vì vậy...”

5. Dùng tôn chỉ của kinh để giải thích, tôn chỉ của một bộ kinh không ra ngoài Bản - Tích “Đãng Hóa Thành”: (Loại bỏ Hóa Thành) là ví dụ cho ví dụ về Pháp trước đây. Từ “Đãng Hóa Thành” đến “Ký Biệt” là giải thích về Tích môn. Từ “Hựu Phát Chúng Thánh” đến “Lân Đại Giác” là giải thích về Bản môn. Lại dựa vào Tích môn trải qua ba chu thân nhiếp tất cả. Theo thứ tự ba chu, Pháp thuyết ở đầu tiên. Nay thuận theo là đối với hai dụ nói đầu tiên. Nói là Hóa Thành..., Hóa Thành là Đạo Sư tạm thời thuyết ra, cho nên kinh nói: “nay đại thành này có thể dừng lại trong đó”, vì vậy thuộc về Giáo. “Thảo am” là hành giả đã chấp vào, cho nên kinh nói: “còn ở bên ngoài cửa” tức chỉ trú ngụ trong Thảo am, vì vậy thuộc về Tình. Loại bỏ chấp Giáo vốn là trừ sạch cái đấm trước vào Tình, trừ bỏ đấm trước trong Tính chính là khiến cho không chấp Quyền giáo. Hóa Thành thuật lại nhân duyên xưa, Thảo am ví như hiện tại, vì thời cơ không giống nhau cho nên cũng đưa ra mà thôi. Khai mở phương tiện là mở ra năm thừa. Văn ban đầu là khai mở phương tiện ba thừa. Từ “hội chúng thiện” trở xuống là tụ hội Nhân - Thiên tiểu thiện. “Đãng” là tên khác của Phế, khai mở, phế bỏ, hội tụ ba thừa với các tướng trạng đồng - dị thì đầy đủ đoạn sau như phần Dụng của Bản Tích đều có mười nghĩa. Lại khai mở phương tiện gần với lý cho nên nói là “Diệu Lý”, đối với tiểu hạnh của Nhân Thiên cho nên nói là “Đại thừa”. Tiểu hạnh không phải không quy tụ về lý, phương tiện cũng đi vào “Nhất Thừa”, văn rõ ràng đối đãi nhau mà ý đó luôn luôn thông suốt. Lý là chỉ thuận theo Thể mà nói, Thừa là thuận theo Sự để trình bày. Sự lấy Thể làm sở y, Thể cần phải mượn Sự mới hiển bày. Nhân Thiên vốn thuộc về Sự, thuận theo Sự khai mở Sự làm phương tiện. Ba thừa đã chứng Quyền Lý, thuận theo Lý khai mở Lý để

dàng sáng tỏ. Vì vậy kinh khai mở Nhân Thiên nhưng nói là Phật đạo. Nếu khai mở ba Thừa mới nói là Thật Tướng, như vậy tại sao trong kinh vẫn thì Nhị Thừa lại nói là Bồ tát đạo...? Đáp: Tên gọi là Đạo thì thông suốt mà nghĩa lý thì hạn chế. Hạn chế cho nên Nhị Thừa khai mở xong thọ ký trao cho tám tướng, Nhân Thiên chỉ dựa theo quá khứ thông suốt mà luận. Lại nếu như dựa vào phần vị để khai mở thì Nhị Thừa được thuộc về phần vị Tướng Tự, Nhân Thiên chỉ ở phần vị Quán Hạnh. Vì vậy thọ ký hàng Nhị Thừa trải qua bao nhiêu kiếp số cúng dường, Nhân Thiên không có như đây cho nên không đồng, nhưng đồng vận hành đến Phật thừa vì vậy không khác nhau. “Thương trung hạ căn v.v...” là trước loại trừ Hóa Thành mà vì hạ căn nói ví dụ về đời trước, (Nhân duyên thuyết) phế bỏ Thảo am là trước vì Trung căn dùng thí dụ để nói (Thí thuyết). Ba chu thuyết xong đều thọ ký riêng biệt đầy đủ như Sơ văn, ba căn cùng chuyển được tên gọi lợi độn đầy đủ như Sơ quyển thứ bốn giải thích về mười môn.

Tiếp theo từ “Hựu phát...” trở xuống là Bốn môn, lại có hai: Đầu tiên là chính thức trình bày về khai mở Tích; tiếp từ “Cố tăng đạo...” về sau là thọ ký. Văn phần đầu là Bốn môn khai mở những gì đã bị che phủ cho nên gọi là phát khởi, Phật và đệ tử gọi là chúng Thánh. Đầu Giác, Thanh văn vốn là Bồ tát như Phú lâu na..., Bồ tát vốn là Cổ Phật như Văn Thù..., Uyển chuyển thiết lập ra cho nên nói là “quyền xảo”. Tịch tràng đến nay là Tích đã che phủ bấy giờ mới giữ ra cho nên nói là hiển bày Bốn. Xưa chưa hề nói cho nên gọi là “u vi”. Tiếp là thọ ký, phân biệt công đức phần vị đến một đời gần với Diệu Giác cho nên gọi là “lân”: bên cạnh. Đại chỉ là Diệu.

6. Trong phần tổng kết, bắt đầu từ Tịch tràng cuối cùng ở Hạc Thọ cho nên nói là “Nhất Kỳ”: (một thời kỳ); dẫn dắt mọi vật đi vào chân thật cho nên nói là “hóa đạo”. Hiển bày Bốn là Sự viên mãn, khai mở Quyền là Lý viên mãn. Lại nữa, sự hóa đạo đã trọn vẹn gọi là Sự viên mãn, Lý về Bốn – Tích hiển bày cho nên nói là Lý viên mãn. Không dùng loài hoa khác làm Dụ mà lấy sáu ví dụ từ Liên Hoa, vốn là ví dụ cho Bốn Tích. Vì vậy giáo pháp suốt một đời đều quy về Thật Bốn, không phải Liên Hoa thì không thể nào ví dụ được, cho nên nói là “Ý tại ư tư”: (ý ở nơi này). Nơi này có nghĩa là Bốn Tích.

Thứ ba - giải thích chữ Kinh, năm vị giáo pháp cùng gọi là Kinh, cho nên nói “Đô danh”: (đều gọi là); đầy đủ ở quyển thứ tám cho nên nói là “như hậu”: (như sau).

Phần hai dựa vào tổng biệt để giải thích. Từ chữ “Ký giả”: Người

ghi lại là Chương An giải thích ý bài tựa của Đại sư, Rõ ràng tựa của Đại sư hình như chỉ giải thích tên gọi mà thôi nhưng ý hàm chứa riêng biệt cho nên Chương An đã giải thích đầy đủ Thể - Tông - Dụng. Bởi vì giải thích tên gọi là tổng, Thể - Tông - Dụng là biệt, biệt - biệt đối với tổng, tổng - tổng đối với biệt, cho nên ở trong tổng đã giải thích gồm có đủ năm chương, nên biết rằng ba chương Thể - Tông - Dụng, chỉ là ba đức thậm chí chỉ là tất cả ba pháp. Vì vậy văn sau nói giải thích tên gọi luận tổng quát về ba pháp, Thể - Tông - Dụng khai mở đối với ba pháp cho nên trong tên gọi chung thông suốt đứng đầu một bộ. Một bộ từ đầu đến cuối không ra ngoài hai môn. Vì thế hai môn lấy “Văn tâm”: (văn trọng tâm), lập thành tên gọi. Như Chỉ Quán Phát Tâm đầu tiên nói tích tụ tinh yếu gọi đó là tâm. Nay pháp tích tụ lấy Bốn Tích làm chính. Lại Thể - Tông - Dụng trong Bốn so với Tích chẳng khác nhau, cho nên chỉ đối với tên gọi để phân biệt Bốn Tích, còn lại Thể - Tông - Dụng là giải thích thẳng mà thôi. Vì thế Chương An thuật lại ý của Đại sư đã đạt được trọng tâm của kinh văn cho nên năm chương Huyền Nghĩa không vượt qua Bốn Tích. Như giải thích chữ Diệu thì Bốn Tích đều có mười nghĩa, Thể của hai Bốn Tích thì lý đó không khác nhau. Nhân quả ngày xưa gọi là Bốn Tông, trung gian và hôm nay đã luận về nhân quả gọi là Tích Tông, hai Dụng của Bốn - Tích không luận về thô, diệu và rộng hẹp mà chỉ căn cứ vào gần, xa để phân định. Giáo tướng của Bốn Tích chỉ là phân biệt tướng Quyền, Thật xa gần mà thôi. Vì thế biết rằng trọng tâm của kinh chỉ là Bốn Tích. “Ngưỡng quan” là người xem tôn chỉ của Bốn Tích xuyên suốt ba đời thiết lập, thì văn nghĩa rõ ràng (lạnh nóng) như vậy. Chữ “lãnh” nghĩa là lạnh, đến mức xem mà có thể phân biệt. Từ: “Diệu Pháp” trở xuống là nhấn mạnh lại văn tựa của Đại sư nói trên đây là để chỉ rõ năm nghĩa, cho nên biết tuy trình bày tên gọi mà thông suốt tất cả đầu đuôi. Như một tựa trước chỉ thuật về tên gọi ba nghĩa Thể - Tông - Dụng, phù hợp ở trong tên gọi thì Thể đã thuộc về lý, lý há không có Tông! Nhất Thừa thuộc về Tông, Tông lẽ nào không Thể? Bỏ mất Hóa thành là Dụng mà lại dựa vào bên Thật, căn cứ vào Lý thiết lập Hóa thành cũng thuộc về Dụng thâm nhiếp, tìm hiểu văn có thể thấy.

Từ “Tư Tự Vương” trở xuống là bài tựa của riêng của Chương An, lại phân làm hai: Phần đầu là tựa, phần sau giải thích về tựa. Phần đầu lại phân làm hai: Một là luận về tử mạng, Hai là giải thích về kinh. Trong tựa của Đại sư tổng quát dùng đề kinh mà bao hàm từ đầu đến cuối, Đại sư thuận theo nghĩa thì nghĩa trong đề mục chắc chắn hàm chứa Thể

- Tông - Dụng. Chương An thuận theo thuyết, trong thuyết chắc chắn Thế - Tông - Dụng cùng với giải thích tên gọi khác nhau về văn, nghĩa, bởi vì dựa vào đó cho nên trở lại giải thích tiếp. Văn phần đầu, hai chu Pháp, Thí dụ thuyết lược bớt mà không thuật, tạm thời dựa vào đời trước để làm nguyên nhân phát khởi. Những người đạt được lợi ích của hai chu Pháp và Thí dụ không có ai không phải là thế hệ kết duyên xưa kia. Bởi vì thoái lui Đại thừa, và lưu chuyển cho nên mê hoặc Lý tịch diệt mà chìm đắm trong men rượu vô minh, vì mất đi tâm đại bi cho nên mê mờ nhân tố vi diệu nói là sanh tử bao la. Đức Thế Tôn thương xót tiếp nhận căn cơ bé nhỏ ấy, căn cơ bé nhỏ hãy còn mê muội từ đầu, nên vẫn còn điên đảo mê hoặc. Phật quán xét chủng tử vốn có của chúng cho nên biết nghiệp giao cho tài sản, diệu hạnh khôi phục lại từ đầu nên hiện rõ điềm lành khiến kinh động, sợ hãi. Vì thế trong tựa này nói là thương xót hạng này, ý đó khái quát tất cả.

Đầu tiên nói là “Phù”, đó là bắt đầu biểu đạt lời nói. “Lý tuyệt...” là đã khai mở rõ ràng rồi thì tuyệt dứt tên gọi Thiên Viên để so sánh với Hoa Nghiêm - Phương Đẳng - Bát-nhã là Thiên Viên đối đãi nhau mà nói. Trước đây kết luận Pháp Hoa là duyên của Tuyệt đãi, thì nay dựa vào ngọc châu tròn mà bàn về Lý Tuyệt đãi ấy. “Cực phi...”: (cuối cùng chẳng phải), nghĩa là lý đến mức rốt ráo vô cùng thì không phải là gần của phạm phu Tiểu thừa, không phải là xa của Phật quả, mà mượn năm trăm do tuần dẫn Hóa thành dụ cho gần, nói Bảo sở chỉ rằng xa. “Cực hội” (cuối cùng hội tụ), tức phạm luận bàn về Viên là nói xa, để tiếp sức cho gần phước bỏ Thiên (thiên lệch) Nếu ở sâu xa ở Chơn thực, phù hợp đến mức cuối cùng thì Sự, Lý đều vắng lặng (tịch). Các chu giáo hóa là sự vắng lặng, hiển bày chân thật là Lý vắng lặng. Lại dựa vào ngọc châu hoàn hảo để hiển bày Lý; sâu xa ở Lý đó cho nên là Lý vắng lặng, nương nhờ Bảo Sở để bàn về sự, lãnh hội được Sự đó cho nên là Sự vắng lặng. Nghĩa của hai cách giải thích này có ý giống nhau. Bảo Chử mục đích vì phước bỏ Hóa thành, Hóa thành nếu phước bỏ thì gọi là Hóa nghi hoàn tất. Hạt châu trong ché áo (Y châu) Châu vốn là ví dụ cho xưa đã từng nghe Thật Tướng, nếu Thật Tướng hiển bày thì gọi là phù hợp với Lý vắng lặng. Đây là trình bày trung gian đã đi vào chân thật. “Nhi bất tịch giả...”: (Mà không vắng lặng), là nói thoái lui Đại thừa sau đó lưu chuyển trong năm đường, đắm trong vô minh vi tế chướng ngại Trung đạo cho nên mất đi chí nguyện Đại thừa. Lại đắm trong vô minh dục lậu hiện hành quên mất nguồn cội đã tiếp nhận. “Mê Niết-bàn đạo...”: (Mê mờ đạo Niết-bàn) là nói rõ sau khi lưu chuyển lại

ưa thích Tiểu thừa. Như người lạc hướng cho nên nói phú Đông là phú Tây thì cả Đông và Tây đều mất hướng. Ba đức Niết-bàn ngay nơi Lý mà đầy đủ, nói Lý là xa mà bỏ Đại thừa lấy Tiểu thừa thì Đại và Tiểu đều mê muội, nói Đại là xa trở thành mê muội Đại, nói Tiểu là cuối cùng trở thành mê muội Tiểu. “Thánh chủ...” là nói rõ hôm nay khai mở rõ ràng, trước tiên dùng bốn vị điều hòa thuận thực cho đến Pháp Hoa. Tựa về Tích là bốn Hoa sáu Động, trước tiên biểu thị cho bốn phần vị sáu chủng loại, đến trong phần Lưu thông thì chuyển đổi đất đai rạn nứt biểu hiện rõ ràng Thật Tướng. Thật Tướng bao trùm thông suốt cho nên nói là “Nhất thiết”: (tất cả). Nhìn thấy điềm lành nghe được giáo pháp cho nên nói là “kiến văn”: (thấy nghe).

Hai là: Từ “Phát Bí mật...” trở đi là giải thích đề kinh. Đầu tiên hai chữ Diệu Pháp là giải thích chung cả Bốn - Tích, hai chữ Liên Hoa là ví dụ chung cho Bốn Tích. Nay lấy Bốn lâu xa dụ cho Liên, hội tụ viên mãn dụ cho Hoa. “Phát Bí mật...”, phát tức là khai mở vậy. Xưa giữ kín mà không nói ra cho nên Bộ đều thuộc về thô. Xưa Quyền - Thật kèm cặp nhau Quyền - Thật cách biệt khác nhau, vì thế không nói quỹ phạm đích thực của Quyền Thật. Quả của Bốn thành tựu từ lâu nhưng bị Tích che kín, nay chỉ là chỉ ra bốn gọi đó là hiển bày. “Pháp” là do hiện tại tiếp nhận phân biệt sai khác cho nên cần phải quy tụ lại. Địa vị hãy còn ở nơi tu nhân cho nên gọi là đạo. “Thanh vi Phật sự”: (âm thanh làm Phật sự) là tạm căn cứ Phật ở đời mà nghĩa thông suốt sau khi diệt độ cho nên gọi là Kinh. Sắc tướng Kinh (quyển Kinh) chỉ sau khi Phật diệt độ mới có nên tạm thời để qua không nói đến. Tựa của Đại sư trước đây nói có phiên, không phiên là chỉ về quyển thứ tám, ban đầu thì chỉ thuộc về nơi Sắc, sau đó thì khắp nơi sáu trần, cho nên ý tựa của Đại sư một chiều hướng giống như hạn cuộc mà thật sự thông với tất cả. Ý tựa của Chương An một chiều hướng giống như thông suốt mà hãy còn hạn cuộc “Viên thuyên chi sơ...”: (Đầu tiên giải thích về Viên) là tạm thời thuận theo Tích mà nói, còn đầy đủ nên nói là thứ nhất giải thích về Bốn Tích. Tựa của Đại sư trước đó không giải thích về phẩm Tựa thứ nhất, tuy ở sau tên gọi đầu đề mà tự nhiên thuộc về thứ tự của phẩm, không phải là nghĩa trong đề kinh cho nên thiếu đi không cần luận đến. Vì vậy, cuối Huyền Văn cũng không giải thích, đến đầu Sơ văn mới giải thích sơ lược. Ngài Chương An nhân tiện đó nên mới bàn luận sơ lược. “Tự loại tương tòng...”: (Tự, loại thuận theo nhau v.v...) tức là một chiều hướng đến cũng có thể tạm giải thích làm lý do của Phẩm, còn như nguyên do có Phẩm thì ở văn Kinh, ở đây không kết hợp bàn luận.

“Chúng thứ”: (mọi thứ tự...) là hai mươi tám phẩm sanh khởi, không lẫn tạp sanh khởi và không phải một cho nên nói là mọi thứ tự. Đầu tiên trong đó cho nên nói là “Thủ”, còn “đệ nhất” thì có thể biết. “Đàm ký”: (bàn luận ghi chép) nghĩa là sợ lầm nên nói là “Đàm thác” tức nhờ vào bàn luận. Nghĩa là dựa vào Bảo Sở để bàn về lý cao nhất. Viên là biệt danh của Diệu, Cực là quả của Diệu Pháp. Nay dựa vào Quả Pháp để ca ngợi về Diệu, như kinh chỉ có Phật có năng lực biết rõ cho nên nói là “Tự danh”. Dùng chữ Tự này (#) thì Tự nghĩa là ý của tác giả tự thuật lại rõ ràng; còn dùng chữ Tựa này (#) thì Tự có nghĩa là tưởng tự. Như sáu điểm báo đều là chính thức nói về thứ tự rõ ràng. Ở đây không phải là ý này cho nên không ghi lại. Thể hội sâu xa nghĩa là đạt được Thể của kinh vậy. Thông suốt thì khắp nơi đều là Thể của các Pháp, các kinh - các hành... Phân biệt thì chỉ thuộc về nhân quả đã dẫn đến thấy được Thật Tướng mới gọi là đạt được Thể, nay không luận về thông suốt mà thuận theo phân biệt cho nên nói là “Hội minh” tức thể hội sâu xa. Bởi vì thể hội sâu xa cho nên gọi là Thể của Tông gia. Nghe pháp biết ngọc châu buộc trong áo đó là nhân của Viên, được ghi nhận, chỉ ra ngọc châu gọi là quả của Viên, cho nên lấy ngọc châu nói là Tông. Và lại, nếu luận về Thể của ngọc châu thì không phải buộc trong áo, không phải chỉ ra, vì trở lại dựa vào ngọc châu để luận về đã buộc trong áo rồi và chỉ ra cho biết, cho nên trở thành Tông của Thể gia. Lý của ba chu giáo hóa hiển bày năng lực của Pháp Hoa cho nên nói cùng vắng lặng là nói về Dụng. Bởi vì Quyền - Thật cùng vận dụng cho nên điều hòa căn cơ đi vào vắng lặng chính là thành tựu cái dụng của Tông gia. Bốn Hoa sáu Động đặt ở đầu của một kinh cho nên nói là Tự giáo. Thông tựa - Biệt tựa đều là Tự giáo. Thông bởi thông suốt khắp nơi cho nên lược bớt Thông theo Biệt. Biệt tựa đầy đủ năm nghĩa, bốn nghĩa khác hãy còn rộng rãi, hiện rõ điểm lành biểu thị báo hiệu thì tướng đó thiết thực nhất. Ở trong sáu điểm lành thì bốn điểm còn lại vẫn rộng rãi, không giống như bốn chỗ tung hoa trời - sáu lần phá mê hoặc chấn động mặt đất. Ý của giáo thuộc về chỗ này cho nên sơ lược dẫn ra như vậy. Trước đây khai mở cánh cổng phương tiện dẫn ra ý vốn là như vậy. Bốn Tích chỉ là khác nhau về xa gần, Đại sư giải thích nghĩa đó đã rõ ràng cho nên nói là “Khả tri”: (có thể biết).

Tiếp theo từ “Thử Diệu Pháp”: trở đi là một bài tựa chính là bàn về tựa chính của Huyền Nghĩa. Đạt được ý đoạn sau thì tựa này không khó, trong đó cũng có hai: đầu là tựa, sau là giải thích. Văn đoạn đầu phân làm ba: Một. thuật về lý của Kinh xuất hiện; Hai. chính thức trình

bày về kinh này; Ba. Từ “Sở ngôn...” trở xuống là giải thích đề kinh. Đầu tiên căn cứ về Bốn mà chứng cho nên có năng lực thuyết ra điều đó, trong Tích tuy nói là suy ra công đức có tồn tại (từ lâu) cho nên nói là Bốn địa. Từ “Văn vân...” trở xuống là dẫn ra Tích chứng minh Bốn, dựa theo phía tự chứng thì không có cách nào có thể nói được. Từ “Tam thể...” trở xuống là đưa ra tất cả sự chứng như nhau. Tiếp theo từ “Văn vân...” trở xuống là chính thức trình bày về thuyết kinh, lại trước tiên dẫn ra văn, dùng tự chứng bên trong để nói cho mọi người. Từ “Đại sự...” trở xuống là trình bày về bốn ý của Phật, ý thuộc về Phật Thừa cho nên đưa ra trước sau vẫn là ý quyết định trở về Phật tuệ. Thời gian giữa điều phục, chê trách không phải bốn hoài của Phật cho nên nói là “trợ hiển”. Từ “kim...” trở xuống là chính thức tuyên thuyết. Tiếp đến trong phần giải thích tên gọi, đầu tiên giải thích chữ Diệu, tiếp theo từ “Hựu Diệu...” trở xuống là giải thích về Pháp Liên Hoa và Kinh đều lấy chữ Diệu làm đầu tiên, bởi vì không có gì không phải là Diệu cho nên như vậy. Trong phần giải thích cũng dựa theo trong một tựa đề mà bốn nghĩa cũng tồn tại. Sáu ví dụ nói về Dụng giống như văn sau đã nói. Trong phần tích đoạn trừ nghi Quyền để sanh khởi tín Thật là Dụng. Trong phần Bốn đoạn trừ nghi gần mà sanh khởi Tín xa làm Dụng. Vì vậy văn sau trình bày về Bốn Tích đều có mười nghĩa không giống nhau. “Cam lộ” là Lý, Giáo là Lý môn, cho nên nói là Cam Lộ Môn.

Tiếp đến chính thức giải thích về Ngũ trùng huyền nghĩa, trước là liệt kê, sau là giải thích. Trong phần giải thích thì trước là phân định – sau là chính thức giải thích. Đầu tiên trong phần phân định, có hai: Đầu là nêu ra, sau là phân định. Trong phần phân định lại có hai: Một là dựa theo tất cả các kinh; Hai là chính thức dựa theo kinh này. Văn phần một có ba: 1. Giải thích tên gọi; 2. Từ “Như thử...” trở xuống là đưa ra Thể; 3. Từ “Lệ chúng kinh...” trở xuống là dẫn ra ví dụ. Hai phần đầu có thể biết. Phần ba trong ví dụ đưa ra đầu tiên nói là theo các kinh, ấy là đưa ra năm nghĩa trong Thông tựa của phần đầu các kinh để làm thể lệ giải thích.

Hỏi: A Nan thì đã giống nhau, sao nói là người khác?

Đáp: Đây đủ như văn Sơ có bốn loại A Nan, ý còn lại có thể thấy.

Tiếp theo là dựa vào trong phần Thông - Biệt của kinh này, phân làm năm: 1. Giải thích tên gọi; 2. Phân rõ khác nhau; 3. Đưa ra Thể; 4. Dẫn ví dụ; 5. Chọn nêu ra. Đầu tiên nói Thông tức là nghĩa chung, bảy nghĩa chung giải thích năm chương, riêng thì có năm nghĩa không



làm tạp loạn nhau. Tiếp là phân rõ khác nhau, tuy có Thông - Biệt mà cùng giải thích một kinh cho nên chỉ thuộc về một bộ, vẫn còn lại có thể biết. Tiếp trong phần chính thức giải thích thì trước là Thông, sau là Biệt. Đầu tiên trong Thông có bốn: 1. Nêu ra; 2. Từ “Nhất...” trở xuống là nêu ra; 3. Đối với năm tâm; 4. Giải thích rộng về bảy. Hai phần đầu có thể biết. Trong phần ba đối với năm tâm, có hai: Đầu là chánh đối, sau là kết thành. Trong phần chánh đối thì ba loại: Khai hợp, liệu giản, hội dị đều khởi tuệ tâm nghĩa là ba tánh này tức phân biệt để chọn lựa. Quán tâm là thuận theo nghe được một câu thì thấu nhiếp sự trở thành Lý, không cần phải quán sát cảnh mới gọi là tu quán, không có sự xen tạp cho nên nói là “tinh tiến”, pháp không thể một mình thiết lập nên dùng bảy chương dựa theo năm tâm, năm tâm nếu tồn tại như cỏ cây có rễ thân cành thì đứng vững, cho nên tâm tồn tại gọi là Căn. năm tâm đã gọi là Căn thì Căn tất nhiên dẫn đến Lực. Nói loại bỏ chướng ngại thì như phẩm Tín Giải nói là không có lời nói lừa dối, giải đãi, sân, hận, oán thù. Lừa dối là chướng ngại niềm tin, giải đãi là ngăn cản tinh tiến, giận dữ làm chướng ngại ý niệm, hận thù làm chướng ngại cho định, oán trách làm chướng ngại đến tuệ. Nếu như Căn tăng trưởng thì có năng lực phá trừ năm chướng cho nên gọi là Lực. Đã thành tựu Căn - Lực thì tất nhiên có đủ Giác đạo để khai mở ba Giải thoát môn cho nên nói là “Nãi Chí”: (thậm chí); lấy Tiểu thừa theo đúng Đại thừa cũng thuận theo có thể biết. Trong phần bốn giải thích rộng ra, có hai: trước là kết thúc phần sinh khởi phần sau; tiếp là chính thức giải thích. Văn phần đầu là kết thúc phần trước có thể biết, từ “Quảng giải...” trở xuống là phát sinh phần sau cũng gọi là ý dùng chương. Dùng bảy loại này cùng giải thích năm chương đã phát khởi năm tâm, đến lúc giải thích riêng biệt về năm chương, mỗi một chương đều thành tựu năm tâm đã dùng bảy loại giải thích sơ lược về năm chương. Nên biết rằng giải thích rộng về năm chương đều có đủ bảy loại, vì vậy đạt đến nơi tròn vẹn ba Giải thoát môn, đi vào Sơ trú khai mở tri kiến Phật. Phần đầu nói về lý do, xong.

Tiếp đến văn trong phần chính thức giải thích tự phân làm bảy: Đầu tiên nêu tên gọi ấy tức là thứ nhất nêu ra năm chương vậy. Ở trong năm chương đây là thứ nhất nêu ra tên gọi, ở trong văn tự phân làm bốn, đầu là nêu ra, sau là giải thích. Trong giải thích đầu tiên thiết lập tên gọi nói là “Nguyên Thánh”: Nói lập tên gọi tức là tên gọi của Diệu Pháp, Nguyên ấy là Bản, Kiến ấy là Lập, Đại Thánh lập thành tên gọi. Bởi để khai mở nghĩa lý sâu xa để tiến lên bắt đầu thực hành. Nơi một

Thật Tướng gọi là nghĩa lý sâu xa, bảy người phương tiện đều gọi là bắt đầu thực hành. Nghe và nhìn gồm đủ hiện tại và vị lai, Phật trú thế chỉ lợi ích về Thánh giáo, lợi ích nối thông với hai đời cho nên nói là “nghe nhìn đều đạt được cái thấy cái nghe.” Làm cho tìm đến tiếp cận tên gọi của Thanh - Sắc mà đến nơi Lý cao nhất của Vô tướng, cho nên dùng tên gọi của Diệu Pháp này để gọi pháp Thật Tướng, thi thiết Diệu cơ thuận theo đi vào Thật pháp. Nếu thông suốt mà nói thì giáo môn suốt một thời không có gì không vì khai mở nghĩa lý lý sâu xa của Thật Tướng. Nay chỉ thuận theo riêng biệt tức là ý trong kinh này. Tiếp theo trong phần phân biệt, có hai: một là lấy kinh này đối chiếu làm sáng tỏ giáo trước, hai là dựa vào năm vị lần lượt gọi hiển bày kinh này. Văn phần một lại có năm. “Nhưng pháp thì có thô diệu” là nêu chung. Tiếp theo từ “Nhược cách lịch...” là chọn lựa. Bắt đầu từ Hoa Nghiêm cuối cùng đến Bát-nhã, tuy tên gọi không như nhau mà chỉ là theo thứ tự ba để để thâm nhiếp. Kinh này hội tụ Thật giáo mới gọi là viên dung. Ba từ “Thử diệu đế...” trở xuống là ca ngợi giải thích về nghĩa lý Nhất Thật của kinh này. Bốn từ “Văn vân...” trở xuống là dẫn chứng. Năm từ “Thượng phi...” trở xuống là dẫn kinh nêu so sánh. Hãy còn không phải là cái biết của Hành, Vị Bất thoái bên Biệt giáo, huống gì là hạng Nhân Thiên sao! “Quần” tức là chúng. Manh nghĩa là tướng của chúng tử chưa bộc lộ. Nhân thiên hoàn toàn bị vô minh che phủ, cho nên nói là “Quần manh. Tiếp theo riêng biệt dựa vào năm vị, lại có hai: Đầu là nêu chung ý Phật không nói ngay pháp Thật, tiếp đến từ “Sở dĩ...” trở xuống là trải qua đủ năm vị trình bày về ý của nói và không nói. Văn phần đầu lại có hai: Một là sơ lược trình bày về không nói; Hai là dẫn văn giải thích lý do không nói. Văn phần một là thẳng thắn lặp lại văn trước đây, như nói: Chỉ riêng Ta biết tướng này, mười phương Phật cũng như vậy. Nhưng mà không lập tức nói ngay điều ấy là tại vì sao? Dẫn văn giải thích rộng ra như phẩm Phương Tiện. Tiếp từ “Sở dĩ...” trở xuống là đích thực dựa theo năm vị, lại có hai: Một là bốn vị; Hai là Đề hồ. Phần một lại phân hai: Đầu là nêu ra bốn vị, sau là trình bày về ý của bốn vị. Trong văn phần đầu bốn vị cùng có tên gọi “dung và bất dung”, không phải không có khác nhau. Trong vị Nhũ lấy Biệt làm bất dung, một vị Lạc giáo hoàn toàn là bất dung, trong Sanh Tô dung thì có hai nghĩa. Nếu dùng Viên gạt bỏ ba và dùng Viên gạt bỏ Tạng tức là lấy Viên dung làm dung. Hoặc là lấy ba giáo gạt bỏ Tạng tức là dùng dung thông làm dung. Tuy bao gồm gạt bỏ Đại mà đang thực sự gạt bỏ Tiểu cho nên nói là khiến cho Tiểu căn hồ thẹn Tiểu thừa ngưỡng mộ

Đại thừa. Trong Thục tô nói khiến cho Tiểu căn nương vào dung hướng về bất dung, là Thông giáo Tiểu thừa nương vào dung của dung thông mà đạt được Tiểu quả tức là chỉ cho Tiểu quả gọi là bất dung. Khiến cho Đại căn từ nơi bất dung hướng về chỗ dung, tức là chỉ cho Thông - Biệt lấy làm bất dung, chính là khiến cho Thông - Biệt Bồ tát hướng về dung của viên dung.

Hỏi: Nếu nói Phật Thừa sợ rằng rơi vào khổ, thì nói Hoa Nghiêm giáo có thể không phải Phật Thừa ư?

Đáp: Nếu dựa theo giáo mà luận thì Phương Đẳng - Bát-nhã cũng có Phật Thừa, đâu chỉ có Hoa Nghiêm? Nay nói rơi vào khổ là chỉ dựa vào căn không kham nổi chỉ có một Phật Thừa, cho nên nghe ba giáo như Tạng - Thông - Biệt hãy còn tránh được sinh tâm bài báng và vẫn dùng lực Bí mật tạm thời ẩn kín Tiểu để nói điều ấy. Tuy nói là Đại cơ nhưng còn ngăn cách với Biệt, Tiểu căn bị ẩn kín luôn luôn không nghe được, bởi vì ẩn kín Tiểu cho nên không gọi là cùng thiết lập, vì thế chỉ thiết lập tên gọi của Đốn giáo Đại thừa mà không thiết lập danh xưng độc diệu của Nhất Thừa. Không phải là bồn hoại của Phật chính là từ nơi này. Hoa Nghiêm Đốn giáo Đại thừa hãy còn không phải là bồn hoại, hướng hồ ở Lộc Uyển chỉ thiết lập bất dung, cho nên Tam Tạng giáo đầu tiên cho đến bộ, trong đó thô hãy còn chưa hoàn bị, vì thế gọi là diệu cũng đoạn tuyệt. Phương Đẳng và Bát-nhã so với thuyết có thể biết. Tiếp theo từ “Tuy chửng chửng... phi Phật bản hoại”, là tiếp tục nói rõ về ý dùng bốn vị, tìm hiểu chọn lấy Pháp Hoa thuyết về bốn vị ấy chưa thông suốt bồn hoại cho nên quy về hội Pháp Hoa. Sở dĩ nói là thi thiết thông suốt với thô diệu, bởi vì trước đây hãy còn dùng Quyền giáo để thi thiết. Nói là tùy theo ba loại khác, đây là tùy theo ba loại khác có Thông có Biệt. Nếu như trải qua bảy trùng cho đến bốn giáo để lần lượt nói ra, thì đây là dựa vào các giáo thông suốt toàn bộ mà nói. Nay chỉ tách biệt dựa theo Biệt tướng của Pháp Hoa mà nói. Từ Pháp Hoa về trước đều nói là tùy theo nơi khác, cho nên trong giáo trước tuy cùng có dung, nhưng bởi vì gồm có kèm cặp cho nên cũng là tùy theo nơi khác. Không có thể khai mở rõ ràng gọi là “không cần phải khẩn cấp”, là theo đuổi việc làm cấp bách vậy. Chỉ đến kinh này khai mở các giáo bất dung, chỉ có một giáo dung hòa, khiến cho các bộ trước cùng chung một Diệu Pháp, đây đủ ý xuất thế, vì vậy văn sau nói là: Mới thông suốt. Trước kia nói là Đẳng, là kết thúc quay về ý không nói trong văn phần đầu. Vụ cũng là cấp vậy.

Tiếp từ “Kim kinh...” trở xuống là trình bày về vị Đề hồ, lại có ba:

Một là chính thức trình bày về kinh này; hai từ “Linh nhất...” trở xuống là trình bày chủ ý của Phật tuyên thuyết; Ba từ “Cố kiên...” trở xuống là kết thúc lập thành tên gọi. Văn đầu nói là xả, xả chỉ là phế bỏ, vì vậy biết khai mở và phế bỏ thì tên gọi khác nhau mà Thể như nhau. Văn tiếp theo, Sự không đạt được rồi, nên khiến cho một âm diễn thuyết mà hiểu khác nhau, đã điều hòa thuần thực xong thì Đạo vị không khác nhau. Còn những ai nảy sanh ý tưởng diệt độ thì như năm ngàn người rời tòa bỏ đi, đều phải đợi đến hội sau và cõi khác mới được nghe. “Nãi sống...”: (chính là rất hợp ý). Nghĩa là kinh nói: Vì một Đại sự nhân duyên mà Phật xuất hiện ở thế gian, Đại sự ấy đã toại nguyện, ý xuất thế đến nay đã chu toàn. Ba là kết luận, tên gọi kinh này đã là Diệu thì nghiệm biết bốn thời giáo trước hãy còn thô. Trong ba kết luận tổng kết về bốn vị mà không thiết lập tên gọi là Diệu, là có nguyên cố gì? Bởi vì bao gồm v.v... cho nên phân định bộ giáo thuộc về thô. Giống như người tế người thô, cả hai cùng phạm sai lầm, từ phía sai lầm mà nói thì cùng gọi là người thô. Kinh này khác với các kinh kia cho nên nói “Vô phục”: Không còn và mới được một mình lập thành tên gọi là Diệu vậy. Trong ví dụ nói là “Lệ”, là pháp lập nên ví dụ cho nên ví dụ hướng về pháp, vì vậy ví dụ trong ba chương trước đây đều dùng hoa làm ví dụ. Một là ví dụ trước lập thành tên gọi; hai từ “Vân hà...” trở xuống là phân biệt ví dụ trước, ba từ “Như thị...” trở xuống là kết thúc ví dụ trước. Văn phần đầu là trong văn phần đầu thiết lập chỉ dựa theo tên gọi của Diệu cùng trải qua năm thời khai mở tiến sâu vào mới bắt đầu đến nơi cuối cùng. Nay ví dụ cũng sơ lược ví dụ nhưng nói thô và diệu cuối cùng thâm nhập nhiều hơn trước. Tiếp theo trong phần phân biệt ví dụ, trước có đủ năm vị dựa theo, nay chỉ thuận theo con người, chọn lấy các ngoại đạo và ba giáo trước, bởi vì Diệu trong các bộ không khác nhau, cuồng hoa không có quả có thể biết. Và lại, cần phải thêm vào loại có quả mà không có hoa có thể ví cho ngoại đạo chấp quả tự nhiên có, như trong Ngô Lục Địa Lý Chí nói: “Vùng Quảng Châu có loài cây tên gọi là Độ không có hoa mà có quả, quả từ vỏ cây mà sinh ra, như Thạch Lựu lớn lên có màu đỏ có thể nấu làm thức ăn, nếu như vài ngày không ăn thì đều hóa thành sâu bọ”. Như kiến có cánh có thể bay bám vào con người hay nhà cửa, ngoại đạo tuy chấp là quả tự nhiên có mà quả này không có thật. Một hoa có nhiều quả giống như các loại vừng, kê... Nhiều hoa một quả như các loài đào, mận... Một hoa một quả như các loại hồng, táo... Quả trước hoa sau như các loại dưa, lúa... Vì vậy trong Nam Nhạc Tứ An Lạc Hạnh nói: “Hoa khác hoặc là có các loại cuồng loạn..., hoa sen thì không

như vậy”. Lại nói: “Hoa khác thành trái quả hiển bày rõ ràng dễ thấy như các Thừa phương tiện, hoa sen kín đáo tinh tế như một Phật Thừa”. Tiếp từ “Liên hoa...” trở xuống là ví dụ cho Đề hồ, phân làm hai: Đầu là cùng nêu ra nhiều điểm khác lạ, sau là tách biệt hưởng về ba nghĩa. Văn phần đầu thì có thể ví dụ cho mười diệu của Bốn Tích và ba chương của Thể - Tông - Dụng. Hiếm lạ chỉ là Diệu, mười diệu và ba chương không có gì không đều là Diệu, không phải hoa quả có nhiều hiếm lạ thì lấy gì mô phỏng được? Nay tổng quát lấy ba điểm đặc biệt của hoa sen thâm nhiếp về Bốn Tích kia, cho nên nêu ra nhiều điểm đặc biệt. Tiếp là nêu ra ba nghĩa, nghĩa thứ nhất nói hoa và quả đầy đủ, vì sen vốn là hoa, hoa che kín ở quả, là Thật mà thi thiết Quyền - Thật ở trong Quyền, Thể lại không khác nhau cho nên nói ngay nơi Thật mà Quyền. Căn cứ chín muồi cần phải khai mở - khai mở chủ thể che kín kia, tình mong mỏi tiếp cận quả đó gọi là che phủ, mở rộng sự tiếp cận kia thì gọi đó là khai mở, khai mở nơi nào - khai mở tức là chủ thể che kín kia. Lại nữa, hoa tàn thì sen thành tựu ấy, là hoa tàn ví dụ chẳng phải Quyền, sen tàn ví dụ chẳng phải Thật, lúc khai mở rồi lập tức phế bỏ chứ không có con đường nào khác. Bởi vì khai mở giáo - Hạnh - Nhân - Lý cùng chung một lý, cho nên Thật thiết lập rồi cùng ngầm hợp với ba đức, do đó biết ba đức không phải là Quyền - Thật.

Trong phần nêu ra Thể: Trước là nêu ra, tiếp là giải thích. Trong phần giải thích: Trước là thuật lại lời giải thích của Đại sư, sau là lời giải thích của Chương An. Văn phần đầu tự có bốn phần: Một. Từ chữ Thể trở đi là giải thích nghĩa của từ; Hai. Từ “Cố thọ Lượng phẩm...” trở xuống là dẫn chứng như nhau; Ba. Từ “Kim ngôn Thật tướng...” trở xuống là giản lược điều chẳng phải; Bốn. Từ “Tư nãi...” trở xuống là kết luận chính xác. Trong phần giải thích nghĩa từ lại có ba: Đầu là giải thích nghĩa từ, tiếp theo từ “Các thân...” trở xuống là dẫn ra ví dụ là tương tự; ba từ “Xuất thế...” trở xuống là chính thức đưa ra Thể kinh bởi vì nghĩa từ như nhau. Văn phần đầu có thể thấy. Văn phần tiếp theo, tuy dùng tông chỉ của Nho giáo không giống với ý nơi ấy, mà nơi ấy nói rõ vì đạo lý mất đi cho nên khiến cho mỗi người con, người thân, một mình phải có bốn phận giới hạn, vì lẽ đó phát triển lễ nghi. Nay mượn lễ nghi phép tắc ấy để ví dụ cho Thể như nhau, tất cả các kinh đều quy về Thật Thể giống như mỗi người đều có bốn phận với thân thích của mình. Thật Thể này sanh ra tất cả các pháp giống như mỗi người đều có con cái của mình. Trong Lễ Ký thứ bảy nói: “Khổng Tử nói: Thực hành đạo lớn, thiên hạ là của chung. Lựa chọn người có đức có tài để

nói về niềm tin và tu dưỡng hòa thuận, do đó mọi người không chỉ có thân thích của mỗi người, không chỉ có con cái của mỗi người”. Chú giải rằng: Đạo lý rộng lớn của lòng hiếu thuận từ hòa vậy. Nay đạo lớn đã ẩn kín, thiên hạ là mình, thân thích của mọi người là thân thích của mình, con cái của mọi người là con cái của mình. Lễ nghĩa lấy làm kỷ cương để chấn chỉnh lại vua tôi, để cha con hết lòng thương kính. Vì thế nghĩa lý như nhau vậy. Tiếp đến trong phần dẫn chứng như nhau, có hai: Trước là dẫn ra Thọ lượng như nhau; tiếp đó dẫn ra hai luận như nhau. Văn phần đầu lại có hai: Đầu là dẫn ra thọ lượng, sau là đưa ra văn phương tiện để biện minh sự giống nhau. Trong văn phần đầu nói không như tam giới ấy là không giống như cách nhìn của người trong tam giới, bởi vì người trong tam giới chỉ nhìn thấy tướng sai khác, hàng Nhị thừa nhìn thấy Như Như chính là không, Phật và Bồ tát thì có thể biết. Vì vậy chỉ dẫn ra phẩm Thọ Lượng chứ không dẫn ra các bộ khác, bởi các bộ khác đã giống nhau so với Thật Tướng của Tích. Do đó văn sau nói: Tích môn của kinh này cùng với các kinh có giống nhau, có khác nhau, khác nghĩa là bao gồm và kèm cặp, giống nhau là giới hạn không sai khác, cho nên không cần phải dẫn ra. Nhưng văn sau nói: Bản môn cùng với các kinh luôn luôn khác nhau, sợ rằng người nghi ngờ sẽ nói: Nếu như ý khác nhau thì Thể - Tông - Dụng phải khác nhau. Vì vậy nay dẫn ra khiến cho biết rằng không khác nhau. Đã nói là khác nhau ấy, đó gọi là thọ lượng từ lâu xa mà các kinh khác hoàn toàn không có cho nên luôn luôn khác nhau. Nếu như vậy thì Bản môn cũng có Thật Tướng cùng chung giới hạn tại sao không nói là có giống nhau, có khác nhau? Đáp: Ý đích thực của Tích môn thuộc về hiển bày Thật Tướng, cho nên dùng lý đã hiển bày cùng với văn trong các bộ để phân rõ giống nhau và khác nhau. Ý đích thực của Bản môn là hiển bày thọ lượng dài lâu, dài lâu hoàn toàn khác các kinh cho nên dùng để so sánh. Thật Tướng tuy thuộc về Tích môn phân rõ từ đầu đến cuối, nhưng nay cần phải phân rõ về giống nhau cho nên bây giờ chỉ chọn lấy Thật Tướng cùng chung giới hạn, thọ lượng dài lâu chỉ là chứng được cái Dụng của thể chứ không phải là thân chứng Thể của Thật Tướng. Tiếp theo từ “Kim thủ...” trở xuống là phân rõ giống nhau. Chọn lấy thọ lượng và sở kiến cùng với Thể Thật Tướng và phương tiện giống nhau. Sở kiến tức là đối tượng nhìn thấy, kinh nói: Sự việc như vậy Như Lai nhìn thấy rõ ràng. Chính là trình bày về Phật có đức của chủ thể nhìn thấy cho nên cần phải nói là nhìn thấy. Chọn lấy đối tượng nhìn thấy có giới hạn để chứng được Thể giống nhau, trong kinh trình bày rộng về các tướng thấy

biết đúng như thật của Như Lai... Tiếp theo dẫn ra hai luận ấy là Địa Luận và Trung Luận vậy.

Hỏi: Đã không dẫn ra kinh Phật thuộc các bộ giáo thì cần gì phải trở lại dẫn ra hai luận của Bồ tát?

Đáp: Các kinh giống nhau và khác nhau văn sau tự phân định, các luận giống nhau và khác nhau chưa có văn đích xác, Địa Luận phân tích nói rõ về Hoa Nghiêm, Trung Luận nói rõ tất cả các giáo. Chỉ dẫn ra hai luận này đã đủ để hiển bày những điều ấy. Hơn nữa, hai luận này văn từ đơn giản mà ý mở rộng, từ ngữ khác nhau mà ý nghĩa giống nhau có thể so sánh ví dụ thích hợp nhất. Đầu là văn trong Địa Luận, trước tiên nêu ra bốn câu, tiếp theo là giải thích. Trong phần giải thích thuận theo dùng “Tất cánh Không bất tư nghị Giả” đối đãi nhau để thành tựu ba đế viên dung.

Hỏi: Tuy nói từ ngữ khác nhau mà ý nghĩa giống nhau thì Không và Giả như thế nào có thể trở thành Thể của Kinh?

Đáp: Đã là bất tư nghị không Không - Giả thì vẫn chỉ cho Không - Giả chính là Trung, Trung là Thể của kinh, Trung tức là Không - Giả cũng chỉ cho Trung, ba Đế không có gì không không phải là khắp tất cả mọi nơi. Nếu đạt được ý này, thì bốn câu trong Trung Luận nghĩa lý có thể theo đó biết rõ. Nếu bốn câu đối với giáo thì tất nhiên là khác phạm vi không phải là ý trong này. Từ “Kim ngôn...” trở xuống là giản lược điều chẳng phải, đưa ra xa lìa bốn sự bài báng. Bài báng tức là sai trái, nghĩa là trong Thật Tướng không có bốn sự bài báng vậy. Bốn chấp chính là bài báng quanh co nên nói là sự bài báng. Nhị thừa hai giáo không có thể ngay nơi Quyền mà Thật, gọi là Đoạn không có. Bồ tát Tạng Thông không có thể ngay nơi Thật mà Quyền, gọi là Kiến lập. Bồ tát Biệt giáo bỏ Biên lấy Trung, gọi đó là Dị. Địa tiên là Quyền Thật, Đăng Địa là Song phi (cùng phủ định cả hai). Đồng thời nói Địa tiên không có thể Quyền Thật ngay nơi Trung và Trung soi chiếu Quyền Thật. Vì vậy không khỏi khác nhau cho đến cuối cùng là bài báng. Tiếp đến trong phần kết luận nói: “Đây chính là...”, tức là Bốn - Tích trở thành hai kinh. Tích kinh gọi là Thật Tướng trong phẩm Phương tiện, Bốn kinh gọi là chẳng phải giống, chẳng phải khác trong phẩm Thọ Lược. Kim Cang Tạng và Trung Luận là hai luận, bày tỏ giống như đạt được vậy. Nghĩa là hai luận, hai kinh cùng đạt được Thể thật.

Tiếp đến là giải thích riêng biệt, phân làm bốn: Một là nêu ra năng phá - sở phá; Hai là từ “Phá phạm...” trở xuống giải thích về sở phá để hiển bày năng phá; Ba là từ “Thử đẳng...” trở xuống là giản lược sự

khác nhau; Bốn là từ “Kim kinh...” trở xuống là chính thức đưa ra Thể của kinh. Trong văn phần đầu rộng phá bỏ bốn chấp của phàm phu ấy, giống như trong phần giải lược những sai lầm trước đây nói về bốn sự bài bác. Pháp tuy thông suốt nhưng chấp sâu sắc trở thành cách nhìn phàm phu cho nên rất rộng ở tại Sơ tâm, gọi là bốn chấp phàm phu; cũng nói là hữu - vô..., tức là bốn cách nhìn sai lạc. Nói Tam Thánh ấy là Thánh nhân ba giáo trước. Tiếp theo trong phần giải thích về pháp hiển bày Tam Thánh, phân làm ba: Một là trong phần phá Tam Tạng giáo thì hai ngọc châu là Pha Lê - Như Ý tương tự ví như pháp tánh tên gọi thì giống nhau. Đầu tiên nghe lẫn lộn với Đại cho nên nói luôn luôn tựa như chân thật, bị gạt bỏ không hay biết gì cho nên nói trở lại nghiêng ngả thì quả là hư giả. Phương Đẳng hãy còn dừng lại nơi Thảo am, Bát-nhã giống như không có tâm mong cầu giữ lấy, cho nên đến Pháp Hoa mới biết xưa kia là sai lầm, bởi vì xưa kia không “biết không chính là có”, cho nên đối tượng bị phá bỏ là không mà chính là có. Tiếp đến Thông giáo thông suốt lý cho nên gọi là Cộng. Căn cơ Thông giáo giống như tạp sắc, nhưng Chân Như là sắc biến đổi. Lý viên mãn giống như Thể của ngọc châu, cơ phát ra giống như trong sự vật, cho nên Nhị thừa Thông giáo mất đi Thể của Thật Tướng, theo đuổi các giáo nói Tiểu thừa, rơi vào Nhị thừa. Độn căn Bồ tát nghĩa giống như Nhị thừa trở lại có thể ra ngoài Giả, văn lược bỏ không nói đến. Tiếp theo dẫn Đại kinh trình bày về lợi căn Bồ tát. Lợi độn trong một giáo không giống nhau, Không và Trung đã khác nhau cho nên phá bỏ, ban đầu không biết Trung cho nên không đạt đến Biệt. Tiếp theo là người Biệt giáo tuy không chỉ là tên gọi giống nhau mà vì chỉ Trung đạo là khác, cho nên nói là “ra hẳn”, vì vậy ba giáo cùng bị Viên giáo phá bỏ. Nhưng phá bỏ Biệt giáo là chỉ phá bỏ giáo đạo, Biên vốn là Trung nay bỏ Biên Trung mà đặc biệt mong cầu ở tại Trung, cho nên dùng vắng trắng ra khỏi đám mây ví như Trung của giáo đạo. Lấy xả bỏ Không mong cầu Không ví như trí phương tiện. Nếu biết Biên - Trung không khác nhau tức là phá bỏ ý này. Lý kia có Trung, Biên này không có Trung thì Thật Tướng của Chánh pháp không bao phủ tất cả, cho nên không gọi là Bất Tận. Vì thế dùng Bất Tận phá bỏ đối với không khắp, trong bốn câu phá của Kim Cang Tạng trước đây Biệt giáo đạt được hai câu tức là ý này. Từ “Thử đẳng...” trở xuống là giải lược khác nhau, trong đó có hai: Trước là giải lược, tiếp là trở lại phân định. Trong văn phần đầu, bốn câu trong Kim Cang Tạng tuy là khác nhau nhưng đều nói là trí rất vi diệu của Phật. Do đó trước đây giải thích nói là đều bị không dung hợp, vì vậy không



giống như Diệu Quyền - Thật trong phẩm Phương Tiện. Thật Tướng thọ lượng phủ khắp tam giới, Thể của ba giáo trước đều không phủ khắp, vì vậy không giống như nghĩa Song phi trong phẩm Thọ Lượng. Từ “Ký bất...” trở xuống là trở lại phân định, nhưng Không ở trong Hóa Tha là Thật, ở trong Tự Hành là Quyền, vì Tam Tạng giáo chỉ có một Chân Thật (đản chân). Đản và Bất Đản ấy, nếu Tự - Tha đối lập với nhau thì Đản là Tha Thật, Bất Đản là Tự Thật. Trong Chơn của Thông giáo có hai Thật, vì vậy hai giáo hoàn toàn không phải là Thể của kinh. Trung vượt ra Nhị Biên... ấy là nói Trung đạo cho nên gọi là Tự Hành, nói vượt ra Nhị Biên cho nên gọi là Quyền. Đây là ý phân định về Quyền Thật. Từ “Thể của kinh này” đến “chính thức đưa ra Thể thật của kinh này”, Thể của kinh này, thì chữ Thể ở đây chính là chỉ cho Thể của kinh. Từ “Thể hóa tha...” trở xuống thì hai chữ Thể này nghĩa là Thể của sự thể đạt, do khai mở cho nên thể đạt vì vậy nói là Thể. Văn phần đầu tức là khai mở chiếc áo dơ bẩn và thân trượng sáu. Chiếc áo dơ bẩn chính là biểu thị cho Quyền Thật Hóa Tha của Tiểu thừa. Nay khai mở chính là Đồng Thể Quyền Thật anh lạc của Trưởng giả. Thể Tự Hành Hóa Tha... ấy là Đản Bất Đản. Không gọi là Quyền Thật của Tự Hành Hóa Tha. Nay đều khai mở, nêu ra dùng ngọc châu trong chéo áo chỉ có một Bất Đản, không trở lại mong cầu đối với cơm ăn áo mặc của Tiểu thừa cho nên nói là ngọc châu vô giá ở trong chéo áo giống như Bất Đản, hãy còn mong cầu Tiểu quả giống như Đản Không, cùng thuộc về một thân cho nên nghĩa thích hợp với Cọng. Quyền của Tự Hành hãy còn giữ giáo đạo cũng trái với Thật Tướng, nay cũng khai mở mà không có gì không phải là Thật Tướng. Ba giáo như vậy đều khai mở cho đến tiền của tài sản sinh sống sự nghiệp của thế gian hãy còn đều là Thật, hướng hồ Viên Trung Tự Hành mà chẳng phải là Thật ư?

Trong phần nêu ra Tông, có hai: Đầu là nêu ra, tiếp là giải thích. Trong phần giải thích có ba: Văn đầu là nêu ra; từ “Nhiên chư nhân quả...” trở xuống là phần thứ hai giản lược; từ “Lược cử...” trở xuống là phần thứ ba kết luận. Văn phần đầu phân làm bốn: 1. Giải thích tên gọi; 2. Từ “Sở vị...” trở xuống là dựa vào tên tên gọi thiết lập tướng; 3. Từ “Như thị...” trở xuống là nêu ví dụ; 4. Tổng kết. Văn phần đầu có thể biết. Văn phần tiếp theo, trước là giải thích về Tông, tiếp là giải thích nghĩa trọng yếu. Nếu như khai mở Quyền hiển bày Thật thì không có gì không phải là tự hành. Nếu vì Thật thiết lập Quyền do đó cần phải hóa tha, chính là chỉ cho Nhân quả lấy đó làm Tông. Tiếp theo giải thích nghĩa trọng yếu, dùng điểm quan trọng giải thích về Tông, nghĩa về Tông

tuy rõ ràng mà nghĩa trọng yếu chưa hiển bày. Vì vậy lại giải thích điều ấy vẫn nhằm vào nhân quả, thâm nhiếp khắp nơi cho nên nói là trọng yếu. Tiếp trong phần ví dụ nói “Cương Duy...” ấy là duy hệ (gắn bó) vậy. Cốt yếu trong tám lưới không có gì bằng giềng lưới giữ gìn, chéo áo theo đây thì biết. Từ “Cố ngôn...” trở xuống là kết luận. Từ “Nhiên chư...” trở xuống trong phần giản lược, có hai: Trước là Khích - tiếp là Thủ. Trong phần Khích có hai: Trước là Tích, tiếp là Bản. Trong phần Tích trước là khuyên nhủ khiến cho hiểu biết thông suốt, nếu không có sự hiểu biết thông suốt thì làm sao có thể phân biệt, biết rõ hãy còn không so sánh hơn được. Còn lại từ “Nhân quả...” trở xuống là chính thức gạt bỏ nhân quả của ba giáo. Vì sao tất cả phải gạt bỏ mà không thể nào thâm nhiếp tất cả các pháp? Bởi vì Tạng giáo và Thông giáo hoặc là giống nhau hoặc là khác nhau, cho nên 3 người trong giáo này nhân quả hãy còn khác biệt hướng là có thể cùng thâm nhiếp tất cả các pháp ư? Đầu tiên trong Tam Tạng giáo thì Đế, Duyên, Độ khác nhau cho nên nhân rất khác nhau, cùng đoạn trừ kiến tư cả ba Thừa khác nhau chút ít cho nên quả hơi giống nhau. Tiếp theo trong Thông giáo cùng học Bát-nhã cho nên nhân phần lớn giống nhau, cùng bởi vì Giải thoát mà luyện tập tất cả không bằng nhau cho nên quả hơi khác nhau. Tiếp tục trong Biệt giáo ở nơi nhân nói về lý không ở ngay nhị biên gọi là “ra hẳn”. Lại nói về sai biệt của các quả vị trong lý quả cho nên nói là không dung hợp. Từ “Nhân bất...” trở xuống là giải thích lại về lý do. Bởi vì ra hẳn Nhị biên thì nhân không thâm nhiếp các thiện pháp của Địa Tiên, các phần vị Đàng Địa không thu nhận lẫn nhau, thậm chí quả địa vạn đức không liên quan lẫn nhau. Từ “Tắc phi...” trở xuống là chính thức trình bày về ý gạt bỏ. Bởi vì không phải nhân của tự hành trong Tích, lại không phải là quả chứng được nơi Tịch Tràng, vì vậy không gọi là nhân quả của Tích môn. Từ “Hựu giản...” trở xuống là Bản môn vậy. Giản lược thông suốt trong Tích thì tất cả nhân quả hoặc là ngang, hoặc là dọc đều không phải là Bản. Từ “Thủ ý...” là phần tiếp theo giản lược về Thủ, trước là Bản, tiếp là Tích. Trong phần Thủ trước tiên trình bày về Bản ấy là tiếp nối trước đây chọn lấy Tích nhưng sau vẫn đó liền bỏ Tích để giản lược Bản. Sau khi tiếp nối giản lược Tích vì giữ lấy Bản là thuận tiện hơn, cho nên trình bày ở phần trước. Lâu xa ấy là chắc chắn chỉ cho thọ lượng vô số kiếp mới hiển bày được Thật Bản. Từ “Như thử...” trở xuống là trình bày về công năng. Từ “Sơ tu...” trở xuống là trình bày về giữa lấy Tích. Bản tông giống như Tích cho nên nói là Thủ. Từ “Đản Khả...” trở xuống là ca ngợi về Tích, nếu là Bản thì

không phải là Bất thối trí tri. Từ “Lược cử...” trở xuống là tổng kết về nhân quả Bốn Tích đã đạt được.

Trong phần nêu ra Dụng, có hai: Trước là nêu ra, tiếp là giải thích. Trong phần giải thích có ba: Văn đầu là nêu ra, từ “ư lực dụng trung...” trở xuống là phần hai giản lược, từ “Phi dẫn...” trở xuống là phần thứ ba nói lợi ích. Văn phần đầu có hai: Trước là giải thích tên gọi, kinh có năng lực để đoạn nghi sanh tín, tiếp theo từ “Tam chủng...” trở xuống là chính thức đưa ra tướng Dụng, không giống như Tông - Thể, chỉ có ở tại Viên. Vì từ đầu đến cuối đều là lực dụng của kinh; đến trong phần giản lược sẽ tự rõ ràng. Trong phần giản lược thứ hai có Pháp - Dụng - Hợp. Đầu tiên trong Pháp có tự tha tương tức ấy là cùng thành tựu Dụng ở trong Thể, cho nên trước tiên trình bày về tướng Dụng vì thấu nhiếp mọi căn cơ vốn cần phải chọn lấy hóa tha và tự tha. Hai công hạnh này chắc chắn lấy tự hành làm năng lực, không có năng lực thì không có công dụng, vì thế cho nên tương tức. Văn trong phần ví dụ dẫn ra phẩm Giác Lực Tranh Hôn trong kinh Phật Bốn Hạnh nói: “Tất Đạt và Điều Đạt cùng các vương tử tranh nhau kết hôn với Cù Di nên đấu sức theo các loại. Lúc ấy Cù Di ở trên lầu cao xem các trận thi đấu của họ. Các vương tử này giương cung mà có người thỏa mãn, có người không thỏa mãn. Tất cả các cung thấy đều không chịu được sức giương của Tất Đạt. Tịnh Phạn Vương nói: Trong miếu thờ Tổ Vương của con có chiếc cung của Luân Vương có thể chịu nổi sức giương của con. Tất Đạt có được chiếc cung vừa ý giương cung này bắn mũi tên thế mạnh một phát xuyên qua bảy lớp trống sắt, những mũi tên khác tuy thế mạnh mà vẫn chỉ đạt đến thủy luân. Cho đến thi tài chặt cây, các vương tử chặt hoặc là một hoặc là hai cứ chặt là đổ. Tất Đạt một đao chặt qua bảy cây mà cây không đổ, thậm chí ném voi...” Đây hoàn toàn trong Dụng nêu ra là sức người bình thường không vượt qua được sức của bậc Thánh, sức lớn mạnh không hơn được Tất Đạt, cho nên nay mượn dụ cho lực Dụng của kinh này. Ba giáo xưa kia và lực dụng gần thành tựu giống như các vị vương tử. Trong phần Hợp - Dụng có hai: Đầu là sơ lược kết hợp, tiếp theo từ “Hà giả...” trở xuống là giải thích. Đầu tiên sơ lược kết hợp làm mất đi giáo phương tiện để hiển bày đạt được Thật giáo. Tiếp từ “Hà giả...” trở xuống trong phần giải thích có hai: Đầu là đưa ra xưa kia hiển bày cái mất đi; tiếp đến đưa ra hiện tại hiển bày cái đạt được. Văn phần đầu, chính là từ Pháp Hoa trở về trước đều gọi là xưa và Dụng của hóa tha, cho nên trong giáo xưa kia hướng về Tích môn này thì ba giáo căn cứ theo lý không phủ khắp, vì thế người trong ba giáo chưa phát sanh thật

tín, chưa trừ hết Quyền nghi. Hướng về Bốn môn này thì kinh xưa và cơ Viên giáo cũng gọi là mất, vì vậy bốn giáo đều không biết có quả của Bốn thời, niềm tin phát sinh chưa xa mà nghi ngờ gần chưa loại trừ. Từ “Kim duyên...” trở xuống chính là hiển bày nay đạt được. Nói là vâng chịu tự hành, là dựa theo căn cơ đến mức tuyệt cùng giới hạn mà nói cần phải đạt đến tự hành của Phật mới gọi là đạt được, dựa theo Hóa Chủ chiếu rọi căn cơ cho nên tất cả nói là tự tha. Từ “Cực Phật...” trở xuống là chính thức đưa ra tướng Dụng. Luận chung về Bốn Tích đều có đoạn nghi sanh tín luận tách biệt thì thêm đạo bất sanh chỉ thuộc về Bốn môn. Nay thuận theo nhận ra lẽ cốt yếu cho nên dùng phát khởi niềm tin tăng đạo làm Tích môn, đoạn nghi giảm sanh làm Bốn môn. Cảnh giới Phật cao nhất ấy chỉ là mười Như Quyền Thật cho nên nói là chỉ riêng Phật với Phật. Tiếp theo trong phần lợi ích nói sanh thân, sanh thân đạt được nhãn..., Địa tiền và Trú tiền là sanh thân, Đẳng Địa và Đẳng Trú là sanh thân đạt được nhãn, nghĩa là trong sanh thân có năng lực phá trừ vô minh đạt được vô sanh nhãn. Nói là Pháp thân..., nghĩa là Đẳng Địa và Đẳng Trú phá trừ vô minh xả bỏ sanh thân cư trú tại cõi Thật Báo gọi là Pháp Thân, địa vị ở Đẳng Giác gọi là Hậu Tâm. Nếu Tích môn chỉ lợi ích cho sanh thân và sanh thân đạt được nhãn, thì Bốn môn tiến đến Pháp thân và Pháp thân hậu tâm. Lợi ích đạt được gồm đủ tất cả cho nên nói không những từ lúc thù Tích đến nay. Tiếp nhận giáo hóa là dần dần mở rộng; đạt được lợi ích gần kề từ lâu là công lao thuộc về Pháp Hoa, trong ba ý nêu ra giáo. Trong đó lại có bốn: Một. Nêu ra; Hai. “Nhất căn tánh...” trở xuống là liệt kê; Ba. Từ “Giáo giả...” trở xuống là giải thích tên gọi chung; Bốn. Từ “Vân hà...” trở xuống là giải thích rộng ra. Phần đầu giống như văn. Trong phần nêu ra ba ý thì hai ý trước dựa theo Tích môn, một ý sau dựa theo Bốn môn. Trong phần ba nói là phân biệt, phân biệt đã là giáo tướng đồng, dị, giáo tướng đã nối thông với các nghĩa phân biệt, tức là phân biệt dung và bất dung cho đến xa gần. Bốn là trong phần chính thức giải thích, văn phần đầu trong căn tánh phân làm hai: Một. Trình bày tám giáo để phân rõ xưa kia; Hai. Trình bày kinh này để hiển bày về Diệu. Văn phần một lại có hai: Trước là năm vị, tiếp là Bất định. Ba Bí mật tức là tám giáo. Năm vị tức là tiệm - đốn. Trong phần Tiệm khai mở bốn loại cùng hai Bất định, v.v... chính là tám giáo vậy. Đầu trong năm vị có ba: Một. Dựa theo năm vị; Hai. Dẫn chứng giống như Niết-bàn; Ba. Hỏi đáp xem xét phân định khác nhau. Văn phần đầu nói về năm vị vẫn dựa theo ba ví dụ về mặt trời soi chiếu trong Hoa Nghiêm khai mở thành năm vị.

---

Hỏi: Phải chọn lấy văn Kinh Niết-bàn vì sao lại chọn lấy văn trong Hoa Nghiêm vậy? Không những số không tương đương, mà cũng sợ rằng ý văn đều khác nhau chẳng?

Đáp: Năm vị trong Niết-bàn chuyển biến mà chỉ là một tính Nhũ, Hoa Nghiêm ba lần chiếu rọi không như nhau nhưng mà chỉ là một mặt trời. Nay phát triển ví dụ đất bằng của Hoa Nghiêm để đối với Tam muội đằng sau Niết-bàn, số tuy không giống nhau mà nghĩa đó giống như nhau. Nhưng trong Niết-bàn lấy trâu ví dụ cho Phật, sữa từ trâu sinh ra ví như Phật ban đầu thuyết về Đại thừa, sữa sinh ra về sau vị đó chuyển biến giống như trở thành phân ví dụ. Vì vậy từ đây trở xuống văn nghĩa thiết lập năm vị đều từ trâu sanh ra, không giống như trong Hoa Nghiêm thì mặt trời ví dụ cho Phật, ánh sáng ví dụ cho thuyết giáo. Mặt trời Vô duyên Từ không mọc mà mọc, mọi căn cơ được che phủ không soi chiếu mà lại soi chiếu, vì vậy khiến cho núi cao hang sâu đất bằng không giống nhau, cùng nhận được ánh sáng giáo pháp cuối cùng vẫn chiếu rọi bình đẳng cho nên dùng hai kinh phối hợp hai nghĩa để thành tựu.

